

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST  
Ngày 03-5-2019  
V/v: *Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Xuân Huế.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Phương.
2. Ông Võ Trọng Thơi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Hiệp- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa:**  
Ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST-KDTM ngày 03/01/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-KDTM ngày 03/4/2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng A (viết tắt N). Địa chỉ: Số 02, đường L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật của A;

+ Ông Thái Văn K, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng A huyện P là người đại diện theo ủy của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC, ngày 19/6/2014).

+ Ông Võ Văn T – chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách tín dụng – Chi nhánh Ngân hàng A huyện P là người đại diện theo ủy quyền lại của A( Văn bản ủy quyền ngày 05/1/2019). Ông T có mặt

*Bị đơn:* Ông Dương Văn Thanh Q, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 43 đường N,

phường T, thị xã H, tỉnh T. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2018, lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, phía nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 23/8/2012 A - Chi nhánh huyện P, tỉnh T và ông Dương Văn Thanh Q có ký Hợp đồng tín dụng số: 05/HĐTD. Theo đó, A - Chi nhánh huyện P đã cho ông Dương Văn Thanh Q vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (Từ ngày 23/8/2012 đến ngày 23/8/2013). Mục đích vay để kinh doanh rượu, lãi suất vay 15%/năm.

A- Chi nhánh huyện P đã giải ngân đủ số tiền 500.000.000đ cho ông Q. Hết thời hạn vay, ông Q chỉ trả 50.000.000đ tiền lãi. Nhằm tạo điều kiện cho ông Q có điều kiện trả nợ, A - Chi nhánh huyện P đã gia hạn trả nợ gốc và lãi cho ông Q đến ngày 23/8/2014. Tuy nhiên, ông Q vẫn không thực hiện đúng cam kết trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận. A- Chi nhánh huyện P đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Q nhưng ông Q vẫn không thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản được quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. A - Chi nhánh huyện P đã chuyển khoản nợ của ông Q sang nợ quá hạn từ ngày 23/8/2014 đến nay. Hiện khoản nợ này thuộc nhóm nợ xấu (Nhóm 5).

Tính đến ngày 03/5/2019, ông Dương Văn Thanh Q còn nợ A số tiền nợ gốc là 500.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 408.123.000đ, lãi quá hạn là 154.744.000đ. Tổng cộng ông Q còn nợ số tiền 1.062.867.000đ.

Tài sản đảm bảo khoản vay trên là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 10, diện tích 147m<sup>2</sup>, địa chỉ: Khu C, phường T, thị xã H, tỉnh T được Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy (Nay là thị xã Hương Thủy) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB696340, ngày 22/9/2005, người sử dụng đất là ông Dương Văn Thanh Q.

Do ông Q không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng nên A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Văn Thanh Q thanh toán số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng nói trên, tính đến ngày 03/5/2019 là 1.062.867.000đ, trong đó: Số tiền gốc 500.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 408.123.000đ, lãi quá hạn là 154.744.000đ.

Trường hợp ông Dương Văn Thanh Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 10, diện tích 147m<sup>2</sup>, địa chỉ: Khu C, phường T, thị xã H, tỉnh được Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy (Nay là thị xã Hương Thủy) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB696340, ngày 22/9/2005, người sử dụng đất là ông Dương Văn Thanh Q.

*Tại bản tự khai ngày 01/3/2019 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa hôm nay, ông Dương Văn Thanh Q trình bày:*

Ông Q thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về việc ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng số: 05/HĐTD ngày 23/8/2012. Ông Q đã nhận đủ số tiền vay theo Hợp

đồng, tuy nhiên do làm ăn thua lỗ nên ông Q chỉ mới trả được 50.000.000đ tiền lãi. Ông Q thừa nhận còn nợ của A số tiền nợ gốc 500.000.000đ và số tiền lãi. Tuy nhiên vì hoàn cảnh khó khăn nên chưa có thể trả được một lần số tiền trên và đề nghị A cho trả trước số tiền 550.000.000đ trong tháng 6 năm 2019 và xin nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bán cho người khác hoặc trả 60.000.000đ/năm hoặc tự bán đất để trả nợ. Đồng thời, đề nghị A giảm tiền lãi suất để ông Q có điều kiện trả nợ Ngân hàng.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010, Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của A, buộc ông Dương Văn Thanh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Hợp đồng tín dụng số 05/HĐTD ngày 23/8/2012 giữa bên cho vay là A và bên vay là ông Dương Văn Thanh Q được ký kết có hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với các Điều 388, 401, 402 và 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2005, các Điều 90, 91 và điểm a, khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng nên hợp đồng là hợp pháp, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, A đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã tiến hành giải ngân khoản vay cho ông Q theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn nên đã vi phạm Hợp đồng tín dụng số 05/HĐTD ngày 23/8/2012 đã ký kết giữa các bên. Hiện nay, khoản nợ này đã chuyển sang nợ quá hạn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của A là có căn cứ nên cần chấp nhận, buộc ông Dương Văn Thanh Q phải thanh toán các khoản nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 1.062.867.000đ, trong đó: Số tiền gốc 500.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 408.123.000đ, tiền lãi quá hạn là 154.744.000đ.

Theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-

CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Dương Văn Thanh Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của A thì lãi suất mà ông Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế để thu hồi nợ của A, Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/TD ngày 23/8/2012 được công chứng ngày 23/8/2012 giữa A (Bên nhận thế chấp) với ông Dương Văn Thanh Q (Bên thế chấp) đã bảo đảm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch theo quy định tại Điều 323 Bộ Luật dân sự năm 2005 và được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm nên hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/4/2019 thì tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 10; địa chỉ: Khu C, phường T, thị xã H, tỉnh T không có công trình kiến trúc kiên cố.

Trường hợp ông Dương Văn Thanh Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa thuận của các bên quy định tại Điều 4 Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/TD ngày 23/5/2012 và Điều 336, 355 Bộ luật dân sự 2005.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng A tự nguyện chịu 1.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc ông Dương Văn Thanh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $36.000.000đ + (3\% \times 262.867.000đ = 43.886.000đ)$ .

Trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho A.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 302, 305, 323, 336, 342, 344, 351, 355, 388, 401, 402, 471, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 90, 91 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí. Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17

tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Buộc ông Dương Văn Thanh Q phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ tính đến ngày 03/5/2019 là: 1.062.867.000đ, trong đó: Số tiền gốc 500.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 408.123.000đ, tiền lãi quá hạn là 154.744.000đ

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 04/5/2019), ông Dương Văn Thanh Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng A thì lãi suất mà ông Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng A.

Trường hợp ông Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/TD ngày 23/8/2012 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 10, diện tích 147m<sup>2</sup>, địa chỉ: Khu C, phường T, thị xã H, tỉnh T được Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy (Nay là thị xã Hương Thủy) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB696340, ngày 22/9/2005, người sử dụng đất là ông Dương Văn Thanh Q.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng A tự nguyện chịu 1.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng A đã nộp đủ số tiền này.

3. Về án phí: Buộc ông Dương Văn Thanh Q phải chịu 43.886.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.980.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/005218 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TX. Hương Thủy;
- THADS TX. Hương Thủy;
- Các đương sự.
- Lưu

**Đã ký**

**Phan Thị Xuân Huế**